

Số: /NQ-HĐND
DỰ THẢO

Hướng Linh, ngày 05 tháng 7 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách Nhà nước xã Hướng Linh năm 2023

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ HƯỚNG LINH KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thực hiện một số điều Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 4886/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của UBND huyện Hướng Hóa về việc giao dự toán thu chi ngân sách Nhà nước năm 2023 của UBND các xã, thị trấn;

Căn cứ Nghị quyết số 09/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của HĐND xã Hướng Linh Về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước xã Hướng Linh năm 2023;

Sau khi xem xét báo cáo của UBND xã về tình hình thực hiện quyết toán thu - chi ngân sách Nhà nước năm 2023; Xét Tờ trình số 57/TTr-UBND ngày 24 /6/2024 của Ủy ban nhân dân xã về việc đề nghị phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách Nhà nước xã Hướng Linh năm 2023; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội và ý kiến của đại biểu HĐND xã Hướng Linh.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê chuẩn quyết toán thu - chi ngân sách nhà nước xã Hướng Linh năm 2023 với các nội dung sau:

- Tổng thu ngân sách nhà nước: **5.825.393.636 đ**
- Tổng chi ngân sách nhà nước: **5.789.156.362 đ**
- Kết dư ngân sách: **36.237.274 đ**

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân xã Quyết toán thu ngân sách nhà nước và chi ngân sách nhà nước xã Hướng Linh năm 2023 đúng theo Nghị quyết này; Công khai Nghị quyết và báo cáo Phòng Tài chính – kế hoạch huyện theo quy định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã, khoá XII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 05/7/2024 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT.HĐND huyện;
- UBND huyện;
- Đảng ủy xã;
- UBND xã (T/h);
- Các Ban HĐND xã (G/s);
- Các ĐB.HĐND xã (G/s);
- UBMT, đoàn thể xã (G/s);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Phú Sơn

PHỤ LỤC
QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC XÃ HƯỚNG LINH NĂM 2023
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 05/7/2024 của HĐND xã)

A. THU NGÂN SÁCH	5.825.393.636 đ
Trong đó: 1/ Thu trên địa bàn (đạt 95,51% so với dự toán giao)	9.551.000 đ
2/ Thu chuyển nguồn năm trước sang (Gồm cả nguồn thu vượt):	618.888.427 đ
3/ Thu phân chia theo tỷ lệ %:	425.855.411 đ
4/ Thu từ nguồn kết dư ngân sách (Đạt 100%)	22.458.010 đ
5/ Thu từ ngân sách cấp trên (đạt 108,68% so với dự toán giao)	4.748.640.788 đ
Trong đó: - Thu bổ sung cân đối NS xã (đạt 100% dự toán giao)	3.949.736.484 đ
- Thu BSCMT ngân sách xã (đạt 413,51% dự toán giao)	798.904.304 đ
B. CHI NGÂN SÁCH (đạt 138,77% so với dự toán giao)	5.789.156.362 đ
I. Chi xây dựng cơ bản	0 đ
- Chi đầu tư XD CB	0 đ
- Chi đầu tư phát triển	0 đ
II. Chi thường xuyên: (đạt 124,35% so với dự toán giao)	5.345.930.184 đ
1. Chi An ninh - Quốc phòng (đạt 106,46% so với dự toán giao)	643.634.204 đ
Quốc phòng (đạt 110,85% so với dự toán giao)	470.639.204 đ
- Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ.	124.363.204 đ
- Phụ cấp DQTV, P/c PCHT (theo NĐ03/2016)	120.580.800 đ
- Hỗ trợ BHXH, BHYT cán bộ KCT theo NQ18	2.763.600 đ
- Kinh phí hoạt động theo định mức	222.931.600 đ
An ninh (đạt 98,23% so với dự toán giao)	172.995.000 đ
- Phụ cấp Công an viên	140.025.000 đ
- Kinh phí hoạt động theo định mức	32.970.000 đ
2. Chi sự nghiệp giáo dục (đạt 90,12% so với dự toán giao)	45.060.000 đ
- Phụ cấp Trung tâm HTCD	8.790.000 đ
- Chi khác (Gồm KPHĐ SNGD và TTHTCD)	27.070.000 đ
- Kinh phí giáo dục và đào tạo	9.200.000 đ
3. Chi sự nghiệp VH TT (đạt 199,99% so với dự toán giao)	72.299.964 đ

- Kinh phí hoạt động xây dựng VH.KDC (TT160)	54.999.964 đ
- Kinh phí hoạt động theo định mức	17.300.000 đ
4. Chi sự nghiệp Bảo vệ môi trường(đạt 99,83% so với dự toán giao)	19.965.000 đ
- Kinh phí hoạt động theo định mức	19.965.000 đ
5. Chi sự nghiệp truyền thanh(đạt 0% so với dự toán giao)	0 đ
- Kinh phí hoạt động theo định mức	0 đ
6. Chi sự nghiệp thể thao(đạt 100% so với dự toán giao)	13.800.000 đ
- Kinh phí hoạt động theo định mức	13.800.000 đ
7. Chi sự nghiệp kinh tế (đạt 81,16% so với dự toán giao)	79.075.794 đ
- Chi cho cán bộ không chuyên trách xã, thôn, bản	22.701.000
- Kinh phí hoạt động theo định mức	56.374.794 đ
8. Chi đảm bảo xã hội (đạt 88,89% so với dự toán giao)	30.045.484 đ
- Kinh phí mừng thọ theo QĐ1508	9.645.484 đ
- Chi khác (tặng quà lễ, tết...)	20.400.000 đ
9. Chi QLNN, Đảng, đoàn thể (đạt 111,87% so với dự toán giao)	4.373.384.738 đ
Chi quản lý nhà nước(đạt 107,64% so với dự toán giao)	2.666.198.436 đ
+ Hội đồng nhân dân (đạt 96,43% so với dự toán giao)	424.682.184 đ
- Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ.	113.420.358 đ
- Phụ cấp Đb HĐND, Các ban HĐND xã	152.822.400 đ
- BHYT của đại biểu HĐND (KHL)	4.441.500 đ
- Chi hoạt động	153.997.926 đ
+ Ủy ban nhân dân (đạt 109,35% so với dự toán giao)	2.241.516.252 đ
- Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ.	1.658.997.229 đ
- Phụ cấp cán bộ KCT xã, thôn trưởng	125.607.000 đ
- Hỗ trợ BHXH, BHYT cán bộ KCT theo NQ18	5.527.200 đ
- Kinh phí tiếp công dân QĐ1180	10.000.000 đ
- Phụ cấp cán bộ rà soát TTHC QĐ2261	10.000.000 đ
- Kinh phí phần mềm QLTS Misa	2.000.000 đ
- Kinh phí nâng cấp phần mềm Kế toán Misa	3.600.000 đ
- Kinh phí lắp đặt phòng họp trực tuyến	75.000.000 đ
- Kinh phí phần mềm quản lý hóa đơn đầu vào	11.000.000 đ
- Kinh phí phổ biến giáo dục pháp luật	18.820.000 đ

	- Kinh phí phần mềm quản lý ngân sách	15.000.000 đ
	- Kinh phí hoàn thiện văn bản pháp luật	5.000.000 đ
	- Kinh phí tổ hòa giải và tử sách pháp luật	9.825.000 đ
	- Kinh phí hoạt động và hỗ trợ	244.739.823 đ
	- Mua sắm trang cấp	46.400.000 đ
+	Chi công tác Đảng (đạt 113,54% so với dự toán giao)	589.404.568 đ
	- Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ.	338.635.656 đ
	- Phụ cấp cán bộ KCT (BTCB, ĐUV)	178.905.000 đ
	- Hỗ trợ BHXH, BHYT cán bộ KCT theo NQ18	5.527.200 đ
	- Kinh phí hoạt động	66.336.712 đ
+	Chi công tác Mặt trận(đạt 107,6% so với dự toán giao)	277.992.564 đ
	- Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ.	114.729.264 đ
	- Phụ cấp PCT và TBCTMT	113.702.400 đ
	- Hỗ trợ BHXH, BHYT cán bộ KCT theo NQ18	2.763.600 đ
	- Khoản kinh phí hoạt động theo NQ18	10.000.000 đ
	- Kinh phí thanh tra nhân dân	5.000.000 đ
	- Kinh phí Ban giám sát cộng đồng	9.800.000 đ
	- Kinh phí giám sát, phản biện xã hội	7.000.000 đ
	- Kinh phí hoạt động	14.997.300 đ
+	Chi công tác Đoàn thanh niên(đạt 119,26% so với dự toán giao)	179.941.294 đ
	- Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ.	110.643.494 đ
	- Phụ cấp PBT và BTCĐ	39.934.200 đ
	- Hỗ trợ BHXH, BHYT cán bộ KCT theo NQ18	2.763.600 đ
	- Khoản kinh phí hoạt động theo NQ18	10.000.000 đ
	- Kinh phí hoạt động	16.600.000 đ
+	Chi công tác Hội phụ nữ (đạt 99,28% so với dự toán giao)	183.587.234 đ
	- Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ.	105.624.634 đ
	- Phụ cấp PCT và CHT các thôn	50.199.000 đ
	- Hỗ trợ BHXH, BHYT cán bộ KCT theo NQ18	2.763.600 đ
	- Khoản kinh phí hoạt động theo NQ18	10.000.000 đ
	- Kinh phí hoạt động	15.000.000 đ

+ Chi công tác Hội nông dân(đạt 120,21% so với dự toán giao)	246.334.014	đ
- Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ.	120.649.414	đ
- Phụ cấp PCT và CHT các thôn	77.701.000	đ
- Hỗ trợ BHXH, BHYT cán bộ KCT theo NQ18	2.763.600	đ
- Kinh phí Đại hội NK2023-2028	20.000.000	đ
- Khoản kinh phí hoạt động theo NQ18	10.000.000	đ
- Kinh phí hoạt động	15.220.000	đ
+ Chi công tác Hội cựu chiến binh(đạt 93,76% so với dự toán giao)	149.966.428	đ
- Lương, phụ cấp, BHXH, BHYT, KPCĐ.	97.264.328	đ
- Phụ cấp PCT và CHT các thôn	24.992.500	đ
- Hỗ trợ BHXH, BHYT cán bộ KCT theo NQ18	2.763.600	đ
- Khoản kinh phí hoạt động theo QĐ08	10.000.000	đ
- Kinh phí hoạt động	14.946.000	đ
+ Chi Công đoàn xã(đạt 100% so với dự toán giao)	5.000.000	đ
- Chi hoạt động	5.000.000	đ
+ Chi công tác Hội chữ thập đỏ (đạt 108,98% so với dự toán giao)	16.636.200	đ
- Phụ cấp.	12.436.200	đ
- Chi hoạt động	4.200.000	đ
+ Chi công tác Hội người cao tuổi (đạt 82,66% so với dự toán giao)	58.324.000	đ
- Phụ cấp.	52.370.400	đ
- Hỗ trợ BHXH, BHYT cán bộ KCT theo NQ18	2.763.600	
- Chi hoạt động	3.190.000	đ
+ Chi công tác Hội khuyến học(đạt 0 % so với dự toán giao)	0	đ
- Chi hoạt động	0	đ
10. Chi nguồn dự phòng (đạt 67,31% so với dự toán giao)	68.665.000	đ
III. Chi chuyển nguồn sang năm sau:	442.527.178	đ
IV. Chi nộp trả ngân sách cấp trên:	699.000	đ
C. Kết dư ngân sách:	36.237.274	đ